

Số: 906 /QĐ-TCTHK-TCKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với dịch vụ vận tải hành khách  
cho đại lý bán qua BSP Việt Nam

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Giấy đăng ký kinh doanh số 0100107518 của Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/07/2016;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tài chính kế toán,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Áp dụng hình thức hóa đơn điện tử đối với dịch vụ vận tải hành khách cho đại lý bán qua BSP Việt Nam (Billing and Settlement Plan) tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP (Vietnam Airlines) từ ngày 01/10/2018.

**Điều 2.** Loại, mẫu, hình thức hoá đơn và mục đích sử dụng:

- Loại hoá đơn: "Hóa đơn giá trị gia tăng, Phiếu thu tiền cước vận chuyển" (tiếng Anh: "Sale Invoice/Receipt").

- Mẫu hóa đơn: kèm theo quyết định này.

- Hình thức hóa đơn: hóa đơn điện tử.

- Mục đích sử dụng: Dùng để lập và giao cho các đại lý bán qua BSP Việt Nam có bán vé máy bay cho Vietnam Airlines

**Điều 3.** Quy trình khởi tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hóa đơn trong TCT:

- Căn cứ vào số lượng vé bán trong kỳ của các đại lý trên cơ sở các file dữ liệu hàng ngày do BSP gửi và căn cứ vào báo cáo bán hàng kỳ nhận được từ BSP, các Chi nhánh TCTHKVN-CTCP khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam lập hóa đơn điện tử trên hệ thống xuất hóa đơn điện tử của Vietnam Airlines và gửi cho đại lý.

- Toàn bộ các thông tin về hóa đơn sẽ được lưu trữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Vietnam Airlines dưới định dạng PDF và XML. Đảm bảo tính bảo mật và phục vụ công tác truy soát sau này.

**Điều 4.** Trách nhiệm của các Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc liên quan đến việc tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ hóa đơn điện tử đối với dịch vụ vận chuyển hành khách:

- Ban CNTT đảm bảo về mặt hệ thống, cơ sở hạ tầng và ký hợp đồng với Công ty cổ phần tin học và viễn thông Hàng không (AITS) đảm bảo xây dựng và vận hành chương trình hóa đơn, tổ chức lưu trữ dữ liệu theo đúng qui định của Nhà nước hiện hành.

- Các Chi nhánh TCTHKVN-CTCP khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam hàng kỳ thay mặt TCT xuất hóa đơn cho các đại lý BSP, xử lý và ký Biên bản hủy/điều chỉnh hóa đơn nếu có phát sinh. Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho Ban TCKT theo quy định.

- Ban TCKT thực hiện đăng ký phát hành hóa đơn, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho Cục thuế Hà Nội theo quy định.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2018. Thủ trưởng đơn vị, cán bộ các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục thuế Hà Nội;
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Dương Trí Thành**

Nơi xuất vé (Issuing Office):  
Địa chỉ (Address):

Mẫu số (Form No) : 01GTKT0/011  
Ký hiệu (Serial):HK/18E  
Số hóa đơn (Invoice No):

**HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**PHIẾU THU TIỀN CƯỚC VẬN CHUYỂN**  
**(SALES INVOICE/ RECEIPT)**  
Ngày (Date) Tháng (Month) Năm (Year)

Đơn vị bán hàng ( Seller): Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (Vietnam Airlines JSC)  
Mã số thuế (Vat code): 0100107518  
Địa chỉ (Address): Số 200, phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Tên người mua hàng (Buyer):  
Mã số thuế (Vat code):  
Địa chỉ (Address):

**1.Nội dung (Due to VietNam Airlines):**

**1.1 Tiền bán vé qua BSP Việt Nam ( BSP Vietnam sale report):**

Kỳ ( period): ....từ ngày (from) ... đến ngày (to) ....

**1.2 Chi tiết (Detail):**

**Loại tiền (Currency):**

- Số lượng vé (No of tickets sold):
- Giá vé (Fare):
- Thuế suất GTGT (VAT rate):....%, Thuế GTGT ( VAT Payable):
- Thuế khác (Other Tax):
- Phí (Charge):
- Hoa hồng (Commission):
- Tổng cộng tiền thanh toán (Total Charges):
- Tổng số tiền bằng chữ (Total charges in words):

**2.Hình thức thanh toán (Form of payment):**

Chuyển khoản (Bank transfer)

**Người mua hàng (Buyer)**

(Ký, ghi rõ họ, tên (Signature & fullname))

**Người bán hàng (Seller)**

(Ký, ghi rõ họ, tên (Signature & fullname))